

Số: 12 /GPMT-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 11 tháng 07 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội, Chỉ thị số 27-CT/TU của Thành ủy và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực



môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-KCNC ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1955/KCNC – QHXDMT ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở “Đầu tư xây dựng dây chuyền thiết kế, gia công, sản xuất xuất khẩu bộ cảm biến kỹ thuật số và các loại thiết bị điện tử” của Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S;

Xét Văn bản số 01/2025/VB-DGS ngày 15 tháng 08 năm 2025 kèm theo Văn bản số 01/2025/GPMT-DGS ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Đầu tư xây dựng dây chuyền thiết kế, gia công, sản xuất xuất khẩu bộ cảm biến kỹ thuật số và các loại thiết bị điện tử” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tại Phiếu trình ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Báo cáo số 117/BC-QHXDMT ngày 25 tháng 8 năm 2025 về kết quả kiểm tra và rà soát hồ sơ cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Đầu tư xây dựng dây chuyền thiết kế, gia công, sản xuất xuất khẩu bộ cảm biến kỹ thuật số và các loại thiết bị điện tử” của Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S, địa chỉ tại Lô I3-2, Đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Lô I3-2, Đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Đầu tư xây dựng dây chuyền thiết kế, gia công, sản xuất xuất khẩu bộ cảm biến kỹ thuật số và các loại thiết bị điện tử” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng dây chuyền thiết kế, gia công, sản xuất xuất khẩu bộ cảm biến kỹ thuật số và các loại thiết bị điện tử.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô I3-2, Đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Lô I3-2, Đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0302339938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 10 tháng 01 năm 2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4025684745 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 11 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 0302339938.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: thiết kế, gia công, sản xuất xuất khẩu bộ cảm biến kỹ thuật số và các loại thiết bị điện tử.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 5.294,6 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD866587, sổ vào sổ CT04787 ngày 05 tháng 01 năm 2011 do Quyền Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Điện tử DGS; Hợp đồng thuê đất số 07/HĐTD/KCNC-2005 ngày 03 tháng 8 năm 2005 giữa Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Điện tử D.G.S; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số PL_07/KCNC-2007 ngày 30/10/2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê đất số PL_07-1/KCNC-2010 giữa Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Điện tử D.G.S). Trong đó, diện tích các hạng mục công trình chính (1.043,7m²), các hạng mục công trình phụ trợ (398,2m²), các hạng mục công trình bảo vệ môi trường (16m²) và các hạng mục công trình khác như đường giao thông, sân bãi, cây xanh (3.836,7m²).

- Nhóm dự án: cơ sở có tiêu chí phân loại dự án Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư Nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công suất sản xuất: 2.000.000 (Hai triệu) mô đun/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm: Nguyên liệu đầu vào → Kiểm tra đầu vào → Dán linh kiện → Hàn → Kiểm tra → Vệ sinh mạch → Dán IC → Kiểm tra thủ công → Phủ nhựa chống ẩm → Cân chỉnh → Phủ silicone chống nước → Kiểm tra → Hàn siêu âm → Kiểm tra chức năng → Dán nhãn và đóng gói → Lưu kho thành phẩm chờ xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tuân thủ theo đúng Quy chế Bảo vệ môi trường Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Thực hiện theo đúng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký đầu tư đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trường hợp có sự thay đổi, phải báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để được xem xét, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các hồ sơ pháp lý liên quan khác theo đúng quy định trước khi triển khai hoạt động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành đến ngày ~~27~~ tháng 8 năm 2032).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tổ chức

kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S;
- UBND TP.HCM;
- Sở NN&MT TP.HCM;
- UBND phường Tăng Nhơn Phú;
- Các PTB (để biết);
- Văn phòng Ban Quản lý KCNC;
- BQLCĐA;
- Ban biên tập Trang thông tin SHTP (để đăng tải trang thông tin điện tử);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.PP.11.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Kỳ Phùng





Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 12./GPMT-KCNC ngày 27. tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý không xả trực tiếp ra môi trường, được đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục xử lý).

- Nước thải của cơ sở sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải, đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục xử lý. Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 05/HĐ-BQLCDA-XLNT ngày 01 tháng 07 năm 2017 với Ban Quản lý Các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (là đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh được phân công phụ trách quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu, âu tiểu của khu vực nhà xưởng sản xuất được thu gom bằng đường ống nhựa có đường kính D114mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 18,4 m³ để xử lý sơ bộ, nước thải sau xử lý tự chảy về hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở, sau đó thoát ra hố ga thoát nước thải trên Đường N2 vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh bằng đường ống nhựa có đường kính D200mm và đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao.

- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn rửa tay, sàn nhà vệ sinh của khu vực nhà xưởng sản xuất được thu gom bằng đường ống nhựa có đường kính D60mm tự chảy về hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở, sau đó thoát ra hố ga thoát nước thải trên Đường N2 vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh bằng đường ống nhựa có đường kính D200mm và đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguồn số 03: nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu, âu tiểu của khu vực văn phòng được thu gom bằng đường ống nhựa có đường kính D114mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn có thể tích $9,4 \text{ m}^3$ để xử lý sơ bộ, nước thải sau xử lý tự chảy về hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở, sau đó thoát ra hố ga thoát nước thải trên Đường N2 vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh bằng đường ống nhựa có đường kính D200mm và đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao.

- Nguồn số 04: nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn rửa tay, sàn nhà vệ sinh của khu vực văn phòng được thu gom bằng đường ống nhựa có đường kính D60mm tự chảy về hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở, sau đó thoát ra hố ga thoát nước thải trên Đường N2 vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh bằng đường ống nhựa có đường kính D200mm và đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ nhà ăn được thu gom bằng đường ống nhựa PVC đường kính D80mm đưa về xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách dầu mỡ với thể tích 50 lít, nước thải sau xử lý tự chảy về hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở, sau đó thoát ra hố ga thoát nước thải trên Đường N2 vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh bằng đường ống nhựa có đường kính D200mm và đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ nguồn thải số 01, nguồn thải số 02, nguồn thải số 03, nguồn thải số 04, nguồn thải số 05 với tổng lưu lượng xả thải lớn nhất khoảng $5,56 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom về hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh tại vị trí xả thải có tọa độ $X = 1200066$; $Y = 614789$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiều 3°). Cơ sở đảm bảo nước thải phát sinh đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trước khi đầu nối.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn

- Số lượng: 02 bể.

- Tổng thể tích: $27,8 \text{ m}^3$ (gồm 01 bể thể tích $18,4 \text{ m}^3/\text{bể}$ và 01 bể thể tích $9,4 \text{ m}^3/\text{bể}$).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ bể tự hoại 3 ngăn $\rightarrow$ hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở $\rightarrow$ hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh $\rightarrow$ Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Số lượng: 01 bể.
- Thể tích: 50 lít.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải phát sinh từ nhà ăn → bể tách dầu mỡ → hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở → hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh → Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hoạt động, bảo trì, bảo dưỡng và định kỳ vệ sinh bể tự hoại, bể tách dầu mỡ.
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải để tránh hiện tượng tắc nghẽn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn. Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ.
- Khi phát hiện sự cố, thông báo ngay cho Ban Quản lý các Dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để nhanh chóng phối hợp, tiến hành rà soát, xử lý và khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 12./GPMT-KCNC ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ máy hàn tự động của công đoạn hàn.
- Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ các mỏ hàn thủ công của công đoạn hàn.
- Nguồn số 03: khí thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh bo mạch.
- Nguồn số 04: khí thải phát sinh từ công đoạn phủ nhựa chống ẩm.
- Nguồn số 05: khí thải phát sinh từ công đoạn phủ silicone chống nước.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: tương ứng với khí thải phát sinh từ nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 được thu gom và xử lý sau đó thoát ra ống thoát khí thải, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1200089, Y = 614755. (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, (cột B, K_p=1; K_v=1) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, K _p =1; K _v =1)	QCVN 20:2009/ BTNMT		
Dòng khí thải số 01						
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	Không thuộc đối tượng không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định	Không thuộc đối tượng không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị
2	Bụi	mg/Nm ³	200	-		
3	Cu	mg/Nm ³	10	-		
4	Toluen	mg/Nm ³	-	750		

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, $K_p=1$; $K_v=1$)	QCVN 20:2009/ BTNMT		
5	Metanol	mg/Nm ³	-	260	số 08/2022/NĐ-CP	định số 08/2022/NĐ-CP
6	Xylen	mg/Nm ³	-	870	Không thuộc đối tượng không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp. Khuyến khích cơ sở áp dụng các quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ máy hàn tự động được thu gom bằng 02 ống tôn kẽm, đường kính D150mm được nối trực tiếp từ máy hàn tự động để dẫn khí thải vào đường ống thu gom chung D500mm và dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính để xử lý.

- Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ 20 mỏ hàn thủ công được thu gom bằng chụp hút được nối liền với ống dẫn mềm lõi thép có đường kính D100mm để thu gom vào hệ thống đường ống thu gom chung, đường kính D320mm - D500mm và dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính để xử lý.

- Nguồn số 03: khí thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh bo mạch được thu gom bằng chụp hút được nối liền với ống dẫn mềm lõi thép có đường kính D100mm để thu gom vào hệ thống đường ống thu gom chung, đường kính D250mm - D500mm và dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính để xử lý.

- Nguồn số 04: khí thải phát sinh từ công đoạn phủ nhựa chống ẩm được thu gom tại tủ hút vào đường ống có đường kính D250mm, sau đó nhờ quạt hút tăng áp đưa khí thải vào đường ống thu gom chung D500mm và dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính để xử lý.

- Nguồn số 05: khí thải phát sinh từ công đoạn phủ silicone chống nước được thu gom tại tủ hút vào đường ống có đường kính D250mm, sau đó nhờ quạt hút tăng áp đưa khí thải vào đường ống thu gom chung D500mm và dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống xử lý khí thải của các nguồn phát sinh khí thải từ nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 có quy trình công nghệ như sau:

Khí thải phát sinh → đường ống thu gom chung → tháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022..

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện kiểm soát hiệu quả hoạt động của tháp hấp phụ khí thải và thay than hoạt tính định kỳ 06 – 12 tháng/lần.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống.

- Trường hợp khi có sự cố Chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải. Chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh khí thải sau khi hệ thống xử lý khí thải đã được khắc phục xong.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm a khoản

6 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 90 ngày kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải (dòng khí thải số 01)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích 01 mẫu tổ hợp được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải) trong 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích 01 mẫu đơn được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải) trong 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025. Trường hợp có thay đổi kế

hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phải có vị trí lấy mẫu và sàn công tác theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng.

3.6. Công ty Cổ phần Điện tử D.G.S chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-KCNC ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: khu vực sản xuất tại vị trí phát sinh có tọa độ: X = 1200107; Y = 615423.

- Nguồn số 02: khu vực đặt máy nén khí tại vị trí phát sinh có tọa độ: X = 1200110; Y = 614746.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

Độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh để giảm thiểu tiếng ồn đến môi trường xung quanh.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

Lắp đặt đệm chống rung cho máy móc, thiết bị có công suất lớn để giảm thiểu độ rung khi hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn cho các thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-KCNC ngày 27 tháng 8 năm 2025
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	60
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	20
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	50
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	10
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	6.614
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
7	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 05	2.500
8	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	12
9	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	10
Tổng khối lượng			9.286

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	13.912
2	CTRCNTT không nguy hại (vụn nhựa, vỏ dây điện, nhôm, đồng,...)	-	449
3	Mút xốp	-	337

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
4	Bao bì, dây nylon	-	224
5	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	5.000
Tổng khối lượng			19.922

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Nhóm chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế	15
2	Chất thải thực phẩm	
3	Chất thải còn lại (không nguy hại)	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa nằm bên ngoài nhà xưởng, gần bãi giữ xe nhân viên, nền xi măng, hệ khung cột bằng thép, mái lợp tôn, có mái che, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Trang bị thiết bị lưu chứa trong kho (bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy, chứa riêng đối với từng loại chất thải. Các thiết bị lưu chứa được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu và gồm thông tin sau: tên và mã chất thải nguy hại. Các thiết bị lưu giữ có vỏ chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với chất thải nguy hại chứa bên trong, kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng) và trang bị thiết bị PCCC và vật dụng phòng chống sự cố tràn đổ để ứng phó sự cố khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo đúng quy định.

- Diện tích kho lưu chứa: 10 m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa nằm bên trong nhà xưởng, bề mặt sàn là bê tông, lát gạch, chống thấm, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Trang bị 04 thiết bị lưu chứa trong kho và đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Diện tích kho lưu chứa: 4 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu chứa: bố trí 06 thùng chứa có nắp đậy thể tích 60L tại các khu

vực văn phòng, nhà ăn, hành lang khu vực sản xuất, sau đó tập trung vào 03 thùng chứa 240 lít có nắp đậy tại khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt ở phía cuối bên trong nhà xưởng.

- Diện tích: 2 m².

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của chính quyền địa phương và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý đối với chất thải phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tần suất thu gom.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12./GPMT-KCNC ngày 27. tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

3. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**